

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 28/2019/HSST

Ngày: 11/7/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH – TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Bộ

Ông Bùi Đức Hiệp

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Loan, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số 26/2019/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/QĐXXST-HS ngày 04/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 21 ngày 18/6/2019 đối với bị cáo:

Đồng Văn Đ, sinh năm 1993 tại Kim Thành – Hải Dương; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 9, thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đồng Văn K (đã chết) và con bà Đồng Thị L sinh năm 1961; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 32/QĐ-XPHC ngày 17/4/2013, Đồng Văn Đ bị công an huyện Kim Thành phạt tiền về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại bản án số 37/2014/HSST ngày 28/7/2014, Đồng Văn Đ bị Tòa án nhân dân huyện Kim Thành xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 04/8/2016 Đ thi hành xong phần thi hành án dân sự và ngày 26/9/2016 Đ chấp hành xong hình phạt tù của bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/02/2019 đến nay tại trại tạm giam Kim Chi – Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

*** Bị hại:**

Anh Đỗ Quang T, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn M, xã C, huyện K, Hải Dương. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi liên quan:**

Chị Trương Thị H, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, Hải Phòng. Vắng mặt.

Anh Đồng Văn T, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, Hải Dương. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

Phạm Văn H, sinh năm 1993; Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 24/02/2019, Đồng Văn Đ điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA, biển số 29V4-0358 đi xem ai có tài sản để sơ hở thì trộm cắp đem bán lấy tiền ăn tiêu (chiếc xe máy trên do Đ mượn trước đó của anh trai là Đồng Văn T - sinh năm 1988, TQ: thôn Đ - xã Đ - huyện K - tỉnh Hải Dương). Khi đi đến khu vực công trường dự án khu dân cư D thuộc thị tứ Đ - xã Đ do Công ty TNHH đầu tư và phát triển xây dựng H đang thi công, Đ quan sát thấy không có người trông giữ, xung quanh không có hàng rào bảo vệ, lối cổng chính vào công trường có ánh sáng đèn điện nên Đ điều khiển xe đi tiếp, rẽ vào lối đi phụ của công trường rồi dừng xe trên lối đi này. Sau đó, Đ đi bộ vào trong công trường đang thi công khoảng 20 mét thì nhìn thấy phía bên trái theo hướng đi của Đ có các viên gạch bê tông lát vỉa hè được đặt theo hàng, 02 hàng phía ngoài các viên gạch vẫn nằm trong các khuôn block hình thang vuông bằng kim loại có trọng lượng 25,5kg, dài 1,11 mét. Đ đi đến khiêng từng đầu của một khuôn block chứa bê tông dịch ra phía ngoài, rồi dùng tay lật úp khuôn block xuống. Sau đó, Đ dùng hòn đá kích thước 16 x 08 x 8,5cm nhặt được ở gần đó đập vào 02 chốt ở hai bên đầu khuôn block cho rời ra và nhấc khuôn block đặt ở vị trí bên cạnh. Cứ như vậy, Đ lấy tiếp 09 khuôn block khác, rồi bê từng khuôn block ra xe máy. Khi bê được 02 khuôn block, Đ mở cốp xe lấy sợi dây bằng cao su buộc 02 khuôn block lên yên xe rồi chở đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Trương Thị H - sinh năm 1985 ở thôn T - xã A - huyện A - thành phố Hải Phòng, thấy nhà Chị H vẫn đóng cửa, Đ bê 02 khuôn block để ở trước cửa rồi quay lại lấy tiếp 08 khuôn block còn lại, chở thành 04 chuyến đem đến trước cửa nhà Chị H. Khoảng 06 giờ cùng ngày, Đ gọi Chị H ra mở cửa và bán cho Chị H 10 khuôn block trên với giá 1.500.000 đồng, sau đó Đ cầm tiền về nhà và ăn tiêu hết số tiền trên.

Tiếp đến, khoảng 18 giờ 40 phút ngày 26/02/2019, Đ điều khiển chiếc xe máy biển số 29V4-0358 nêu trên đi từ nhà ra đến đầu ngõ thì gặp Phạm Văn H - sinh năm 1993, trú tại: thôn Đ - xã Đ - huyện K đang đi bộ trên đường. Đ rủ H đi chơi cùng với Đ. Khi đi đến địa phận thị tứ Đồng Gia - xã Đồng Gia, Đ nảy sinh ý định vào khu vực công trường đang thi công dự án khu dân cư D thuộc thị tứ Đ trộm cắp khuôn block bằng kim loại đem bán lấy tiền ăn tiêu. Đ điều khiển xe máy đi vào lối đi phụ của công trường và rủ H trộm cắp sắt trong công trường đem bán, H đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Đ chở H đến gần khu vực đặt các khuôn block hình thang vuông bằng kim loại có trọng lượng 25,5kg, dài 1,11 mét đang chứa bê tông thì dừng xe. Đ lấy chiếc kim do Đ nhặt được trước đó để trong cốp xe ra rồi cùng H đi bộ đến nơi đặt các khuôn block. Đ dùng kim tháo chốt kim loại ở hai bên đầu khuôn block cho rời ra rồi cùng H cầm vào 02 đầu khuôn block kéo dịch ra phía ngoài và lật úp khuôn block xuống, nhấc khuôn block ra khỏi viên gạch bê tông thì bị anh Đỗ Quang T - sinh năm 1975, trú tại: thôn M - xã C - huyện K phát hiện. Khi đó, H bỏ chạy, Anh T giữ Đ lại và gọi điện báo công an

xã Đ đến lập biên bản vụ việc (Anh T là người được Công ty TNHH đầu tư và phát triển xây dựng H ký hợp đồng bảo vệ, trông coi nguyên vật liệu, máy móc, trang thiết bị của Công ty tập kết tại công trường, nếu xảy ra việc bị trộm cắp tài sản, Anh T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công ty).

Tại bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kim Thành ngày 27/2/2019 kết luận: 11 khuôn block hình thang vuông bằng kim loại có trọng lượng 25,5kg, dài 1,11 mét trị giá 9.534.000 đồng.

Ngày 26/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành tiến hành quản lý 11 khuôn block do Đ trộm cắp, 01 chiếc xe máy biển số 29V4-0358, 01 sợi dây bằng cao su, 01 chiếc kìm và 01 hòn đá Đ sử dụng vào việc phạm tội. Ngày 01/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành trả lại Công ty TNHH đầu tư và phát triển xây dựng H 11 khuôn block và trả lại anh Đồng Văn T chiếc xe máy biển số 29V4-0358. Anh Đỗ Quang T không yêu cầu Đ phải bồi thường thiệt hại. Chị Trương Thị H không yêu cầu Đ phải hoàn trả lại số tiền 1.500.000 đồng, Chị H cho Đ số tiền trên.

Quá trình điều tra, Đồng Văn Đ đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với biên bản vụ việc, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng vật chứng thu giữ được.

Cáo trạng số 25/CT-VKSKT ngày 09/5/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố Đồng Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận như quá trình điều tra và xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố Đồng Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi liên quan là anh T vắng mặt nhưng đã có đơn đã nhận được tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường; Chị H vắng mặt nhưng cũng có đơn không yêu cầu Bị cáo Đ phải có trách nhiệm trả lại số tiền 1500.000 đồng và xác định cho Bị cáo Đ số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đồng Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/02/2019.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự Tịch thu tiêu hủy: 01 viên đá màu xanh kích thước 16x08x8,5 cm; 01 chiếc kim bằng kim loại; 01 sợi dây cao su dài 1,26 m.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo và các chứng cứ xác định tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Ngày 24/02/2019 và ngày 26/02/2019, Đồng Văn Đ đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu và người quản lý tài sản đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 11 khuôn block bằng kim loại dùng để đóng gạch bê tông lát vỉa hè trị giá 9.534.000 đồng của Công ty TNHH đầu tư và phát triển xây dựng H do anh Đỗ Quang T trông coi quản lý. Do vậy, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an trong khu vực, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm, bị pháp luật cấm nhưng do ham chơi, không chịu lao động chân chính, thích tiêu sài trên mồ hôi và công sức của người khác, nên đã cố ý phạm tội. Vì vậy, Cáo trạng số 25/CT-VKSKT ngày 09/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương và lời buộc tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tại phiên tòa, đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Mặt khác đối với hành vi trộm cắp ngày 26/02/2019 bị cáo bị bắt quả tang nhưng tại cơ quan điều tra bị cáo đã tự khai nhận hành vi trộm cắp ngày 24/02/2019. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “tự thú”

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản vào các ngày 24/02/2019 (thực hiện một mình) và 26/02/2019 (thực hiện cùng H). Tuy nhiên, đối với hành vi trộm cắp ngày 26/02/2019 bị cáo cùng H trộm cắp được 01 khuôn block thì bị bắt, trị giá 01 khuôn block là 866.727 đồng, dưới mức định lượng nên hành vi này bị cáo và H không cấu thành tội Trộm cắp tài sản một cách độc lập. Nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Do vậy, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền sung quỹ Nhà nước, song xét hoàn cảnh bị cáo không có tài sản, không có việc làm và thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] *Về trách nhiệm dân sự:* bị hại đã nhận được tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số tiền bị cáo bán 10 khuôn block cho Chị H là 1500.000 đồng, Chị H xác định cho bị cáo nên không yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về vật chứng:* Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter , BKS 29V4-0358 là phương tiện bị cáo dùng để đi trộm cắp tài sản nhưng là xe của anh Đồng Văn T (anh trai bị cáo), anh T không biết bị cáo dùng xe để trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kim Thành đã trả lại cho anh T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- Đối với chiếc kim, sợi dây cao su và hòn đá là vật chứng vụ án, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Đối với số tiền bán 10 khuôn block 1.500.000 đồng, bị cáo đã tiêu sài hết không thu giữ được nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo bị tuyên bố phạm tội, nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự.

* Trong vụ án này, đối với hành vi trộm cắp tài sản của Phạm Văn H tham gia cùng Bị cáo Đ trộm cắp 01 khuôn block bằng kim loại vào ngày 26/02/2019. Song tài sản trộm cắp được dưới mức định lượng quy định không đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản nên Công an huyện Kim Thành đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 47/QĐ-CPVPHC ngày 06/3/2019 đối với H là phù hợp.

Đối với chị Trương Thị H, khi mua 10 khuôn block bằng kim loại do Đ đem đến bán, Chị H không biết đó là tài sản do Đ phạm tội mà có và anh Đồng Văn T khi cho Đ mượn xe máy biển số 29V4-0358, anh T không biết Đ sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kim Thành không đặt ra việc xử lý đối với Chị H và anh T là phù hợp.

Bởi các lễ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố: Bị cáo Đồng Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. *Về điều luật áp dụng:*

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

3. *Về hình phạt:*

- Hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Đồng Văn Đ 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/02/2019.

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

4. *Xử lý vật chứng:* Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 viên đá màu xanh kích thước 16x08x8,5 cm; 01 chiếc kim bằng kim loại; 01 sợi dây cao su dài 1,26 m.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 14 giờ 20 phút ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương).

6. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Ấn xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt bị hại, người có quyền lợi liên quan. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Cơ quan điều tra - Công an huyện Kim Thành;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương
- Bị cáo; bị hại; người có QLLQ;
- Lưu: Hồ sơ THAHS; Văn phòng; Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung